

630

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 22-06-2018
Số: 14727

Công ty: Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Mã chứng khoán: PSI

Địa chỉ trụ sở chính: tầng 2 tòa nhà Hanoitouris- số 18 Lý Thường Kiệt – Hà Nội

Điện thoại: (04)393 438 88

Fax: (04) 393 439 99

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Tú Lan

Địa chỉ liên lạc : tầng 2 tòa nhà Hanoitouris- số 18 Lý Thường Kiệt – Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0913300522

Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo Tài chính, Báo cáo An toàn tài chính cho năm tài chính 2018 và 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC vào ngày 22/6/2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/6/2018 tại đường dẫn: <http://psi.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban KS (đề b/c)
- Chủ tịch HĐQT (đề b/c)
- Lưu VT.



Trần Tú Lan



Ngày 22 tháng 6 năm 2018

Số: 2206/18.001/HĐTC.KT2

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Về việc Kiểm toán và Soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính 2018 và 06 tháng đầu năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍNgười đại diện : **Nguyễn Xuân Hưng**

Chức vụ : Phó Giám đốc

(Theo ủy quyền số 37A/UQ-NDD-CKDK ngày 04.10.2017 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí)

Địa chỉ : Tầng 2, Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại : +84 24 3934 3888 Số fax: 84 24 3934 3889

Mã số thuế : 0102095561

BÊN B : CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASCNgười đại diện : **Vũ Xuân Biển**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 020118.002/UQ.TH ngày 02/01/2018 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC)

Địa chỉ : 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 3 8241 990 Số fax: (84-24) 3 8253 973

Tài khoản số : 0301009689689

Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

Mã số thuế : 01 00 1111 05

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính trên cơ sở kết quả thực hiện công tác soát xét.
- Dịch vụ soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 được lập theo các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 do Bộ tài chính ban hành quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.
- Dịch vụ kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập theo quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 do Bộ tài chính ban hành quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Các Báo cáo tài chính được kiểm toán và soát xét bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

ĐIỀU II: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán và soát xét của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- 2.1.1. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- 2.1.2. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- 2.1.3. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - a. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - b. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán và soát xét;

- c. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét.

Ban Giám đốc của Bên A (*trong phạm vi phù hợp*) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán và soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và soát xét và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán và soát xét, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán và soát xét đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán và soát xét phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào

trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính.

ĐIỀU III: BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính:

Sau khi kết thúc công tác soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2018;
- Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính được lập thành 16 bản tiếng Việt, 16 bản tiếng Anh. Bên A giữ 14 bản, Bên B giữ 02 bản mỗi loại.

Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập thành 16 bản tiếng Việt, 16 bản tiếng Anh, Bên A giữ 14 bản, Bên B giữ 02 bản mỗi loại.

Thời hạn phát hành Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trước ngày 10/8/2018.

Báo cáo kết quả công tác sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 2410, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Báo cáo kiểm toán:

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2018;
- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính được lập thành 16 bản tiếng Việt, 16 bản tiếng Anh, Bên A giữ 14 bản, Bên B giữ 02 bản mỗi loại.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập thành 16 bản tiếng Việt, 16 bản tiếng Anh, Bên A giữ 14 bản, Bên B giữ 02 bản mỗi loại.

Thời hạn phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trước ngày 6/2/2019.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán hoặc Báo cáo kết quả công tác soát xét của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU IV: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ của Bên B cho các dịch vụ nêu tại Điều I của hợp đồng được xác định như sau:

| | |
|------------------|-------------------------|
| Phí dịch vụ | 285.000.000 đồng |
| VAT (10%) | 28.500.000 đồng |
| Tổng cộng | 313.500.000 đồng |

(Bằng chữ: Ba trăm mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn./).

Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B:

- 40% giá trị hợp đồng ngay khi Bên B hoàn thành công tác soát xét về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Bên A.
- 60% giá trị hợp đồng còn lại khi nhận được Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2018 chính thức.

Phí dịch vụ được thanh toán bằng đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản.

Hồ sơ thanh toán gồm có: đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT

ĐIỀU V: CAM KẾT THỰC HIỆN

- Hợp đồng này được giải thích, điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Các điều khoản và điều kiện khác không quy định hoặc chưa được quy định trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam
- Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, Hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.
- Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng và hòa giải thiện chí. Trường hợp hòa giải không thành, mỗi Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU VI: BẢO MẬT THÔNG TIN

- Các Bên đồng ý rằng mọi giấy tờ, tài liệu, thông tin trao đổi hoặc thông tin khác liên quan đến mỗi Bên phải được Bên kia bảo mật tuyệt đối, bao gồm, nhưng không giới hạn, các dữ liệu, thông tin, chương trình, sản phẩm, dịch vụ, khách hàng, nhân sự... tồn tại dưới hình thức văn bản, lời nói, dữ liệu điện tử hoặc bất kỳ hình thức nào khác mà một Bên cung cấp cho Bên kia hoặc Bên kia biết được do việc thực hiện Hợp đồng này ("Thông Tin Bảo Mật").
- Không Bên nào được sử dụng, sao chép, tiết lộ bất kỳ Thông Tin Bảo Mật nào của Bên kia hoặc của cả hai Bên dưới bất kỳ hình thức nào hoặc sử dụng Thông Tin Bảo Mật ngoài mục đích quy định tại Hợp đồng này.

- Một Bên không phải thực hiện cam kết bảo mật tại Điều này nếu (i) sử dụng Thông Tin Bảo Mật để thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này; (ii) cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc (iii) Thông tin đã được Bên kia công bố ra công chúng.

ĐIỀU VII: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện bên A *xv*
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Hưng

Đại diện bên B *NA*
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Xuân Biền

